

V/v *Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính.*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Đỗ Đức Đ, sinh năm 1962 và bà Lê Thị Nh1, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm Minh Kh, xã Lực H, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang. (Bà Lê Thị Nh1 đã ủy quyền cho ông Đ tham gia tố tụng trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án). Ông Đ có mặt, bà Nh1 vắng mặt.

3.2 Ủy ban nhân dân xã Lực H, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn K - Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã Lực H, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông Nguyễn Hữu Nh trình bày:

Gia đình ông có diện tích đất vườn rừng khoảng 4,2ha sử dụng từ những năm 1976. Năm 1995, ông được UBND xã Lực H, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang giao cho 4,2ha diện tích đất rừng tại khu đồi (Xứ Đồng) Suối Giốc tại thôn B, xã Lực H, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang, thời hạn sử dụng đất là 50 năm từ năm 1995 đến năm 2055, giáp ranh với nhà ông Th, bà Nga, có mô tả chi tiết trong biên bản giao đất của UBND xã Lực H ngày 11/12/1995. Từ trước và sau khi UBND xã giao đất gia đình ông sử dụng liên tục không gián đoạn về mặt thời gian, đến năm 1996 ông cho con gái ông mượn để sử dụng đến khoảng năm 1999 con gái ông sinh con nên không có khả năng canh tác đã giao lại cho ông, từ đó gia đình ông là người trực tiếp quản lý vì diện tích đất trên sau khi phân ba loại rừng thuộc rừng phòng hộ gia đình trực tiếp quản lý. Đến năm 2018, một số người đến hỏi mua của ông diện tích đất trên, ông đến UBND xã Lực H nhờ làm thủ tục chuyển nhượng và được cán bộ địa chính cho xem sổ địa chính, lúc này ông mới biết đất của ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Đức Đ tại thôn Minh Kh, xã Lực H, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang trong khi ông Đ không biết gì và không một ngày nào quản lý và sử dụng diện tích đất trên. Ông đã được UBND xã Lực H tổ chức hòa giải cùng ông Đ nhưng không thành nên ông đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang và đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

- Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 747242 ngày 05/8/2011 của UBND huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang cấp cho ông Đỗ Đức Đ và bà Lê Thị Nh1, địa chỉ xóm Minh Kh, xã Lực H, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang.

Người bị kiện - Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang trình bày:

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003, căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 20/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai. Ngày 18/01/2007, UBND xã Lực H, đơn vị tư vấn (Công ty đo đạc ảnh địa hình) và nhân dân thôn B đã tiến

hành hợp triển khai công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính đất lâm nghiệp và lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất lâm nghiệp trên địa bàn. Ngày 28/10/2007, ông Đỗ Đức Đ đã làm đơn xin cấp Giấy CNQSD đất gồm 03 thửa đất trong đó có thửa đất số 1075, tờ bản đồ số 02 thuộc thôn Minh Kh, xã Lực H, được UBND xã Lực H xác nhận ngày 10/6/2009. Về nguồn gốc ông Đ khai do gia đình khai phá và sử dụng từ năm 1980. Ngày 06/5/2009, Ban chỉ đạo giao đất và cấp giấy chứng nhận xã Lực H đã tiến hành họp phân loại, thẩm tra, xác minh đơn của từng chủ sử dụng đất trong đó có hộ ông Đỗ Đức Đ, đồng thời UBND xã đã tiến hành công khai trong thời gian 15 ngày, trong thời gian 15 ngày công khai không ai có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì về danh sách đã công khai, UBND xã đã lập tờ trình, trình UBND huyện cấp Giấy CNQSD đất cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã Lực H trong đó có hộ ông Đỗ Đức Đ. Sau khi xem xét hồ sơ và các giấy tờ có liên quan, ngày 05/8/2011 UBND huyện đã cấp Giấy CNQSD đất cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã Lực H trong đó có hộ ông Đỗ Đức Đ theo đúng trình tự thủ tục theo quy định. Do đó việc ông Nguyễn Hữu Nh yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Yên S đã cấp cho ông Đỗ Đức Đ, Ủy ban nhân dân huyện không nhất trí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Đức Đ trình bày: Khoảng năm 1995-1996, ông thấy thửa đất số 1075, tờ bản đồ số 02, diện tích 2,1ha bỏ trống, không có ai sử dụng, trước đây chỉ có người dân xã Chiêu Yên đến trồng sản nên năm 2005 ông làm đơn xin được trồng cây lâm nghiệp bằng vốn tự có gửi đến UBND xã Lực H, sau đó Chủ tịch và địa chính xã đến kiểm tra thấy đúng là đất không có ai sử dụng nên cho ông trồng cây lâm nghiệp. Ông sử dụng ổn định không tranh chấp với ai, đến năm 2014 ông đã làm thủ tục xin phép khai thác cây trên đất và tiếp tục trồng cây lâm nghiệp. Đến năm 2018, ông Nguyễn Hữu Nh có tranh chấp đất với ông và đã được UBND xã Lực H hòa giải nhưng không thành. Năm 2007, ông đi kê khai xin cấp Giấy CNQSD đất đến năm 2011 UBND huyện đã cấp Giấy CNQSD đất cho ông. Ông xác định Ủy ban nhân dân huyện Yên S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông là đúng nguồn gốc đất, đúng đối tượng sử dụng đất và đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Lực H trình bày:

Năm 1995, UBND xã cùng cán bộ thuộc Sở Nông nghiệp tỉnh Tuyên Quang, cán bộ kiểm lâm huyện Yên S tổ chức họp triển khai đến các thôn, thống nhất giao đất cho các hộ gia đình trên toàn xã để quản lý, trồng cây lâm nghiệp để phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Trong đó giao cho hộ ông Nguyễn Hữu Nh trú tại thôn B, xã Lực H một thửa đất tại lô 20 khoảnh 56 với diện tích đất khoảng 4,2ha mục đích là khoanh nuôi tái sinh và thực hiện theo các cam kết trong biên bản giao đất. Tuy nhiên, sau khi được giao đất, gia đình ông Nh không thực hiện việc quản lý bảo vệ rừng mà bỏ hoang, không thực hiện cam kết ghi trong biên bản giao đất, để công dân thôn Phai Đá xã Chiêu Yên sang xâm canh, phát nương trồng cây ngắn ngày. Đến năm 2005, gia đình ông Đỗ Đức Đ có đơn xin trồng

rừng vào diện tích mà công dân thôn Phai Đá đang làm nương bằng vốn tự có của gia đình. UBND xã đã cử cán bộ địa chính đi thực địa, kiểm tra, xác minh và đồng ý giao cho ông Đ được trồng rừng bằng vốn tự có của gia đình để phủ xanh đồi núi trọc theo chính sách của Nhà nước (ông Đ đã trồng được 02 lúa keo). Đến năm 2007 ông Đ có đơn kê khai cấp Giấy CNQSD đất, UBND xã đã triển khai đến các hộ dân trong 12 thôn trên địa bàn xã, chỉ đạo các thôn họp dân kê khai để cấp Giấy CNQSD đất, ông Đỗ Đức Đ đã kê khai xin cấp một nửa diện tích đất trên, nửa còn lại con gái ông Nh là Nguyễn Thị Th1 đã kê khai để xin cấp Giấy CNQSD đất. Sau đi đo đạc, kê khai kẻ vẽ lập hồ sơ và niêm yết công khai đảm bảo thời gian theo quy định thì UBND xã không nhận được khiếu nại hay kiến nghị nào của công dân trong thôn, trong xã. Năm 2011, ông Đ được cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất số 1075 diện tích là 21.600m²; bà Th1 được cấp thửa đất số 1064, diện tích 22.499m². UBND xã đã thực hiện nhiệm vụ phối hợp với UBND huyện trong việc cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Đ đúng quy định của pháp luật. UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và UBND xã Lực H không có yêu cầu độc lập.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự đối thoại không thành.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 22 tháng 7 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 29; Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; điểm a khoản 1 Điều 116; Điều 191; Điều 194, Điều 206, Điều 344, Điều 345, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 49, khoản 3 Điều 50, Điều 123 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về việc thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Thông tư số 24/2004/QĐ-BTNMT ngày 01/11/2004 Quyết định ban hành quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1. Xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Nh về việc: Yêu cầu tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 747242 ngày 05/8/2011 của UBND huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang cấp cho ông Đỗ Đức Đ và bà Lê Thị Nh1, địa chỉ xóm Minh Kh, xã Lực H, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang.

2. Kiến nghị UBND huyện Yên S chỉnh lý cho đúng địa chỉ thửa đất số 1075, tờ bản đồ số 2 trong giấy CNQSD đất của ông Đỗ Đức Đ là xóm B, xã Lực H, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, người khởi kiện là ông Nguyễn Hữu Nh có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Hữu Nh giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nh trình bày: Nguồn gốc diện tích đất được cấp giấy CNQSD đất cho ông Đỗ Đức Đ có nguồn gốc do UBND xã Lực H cấp cho ông Nguyễn Hữu Nh theo biên bản ngày 11/12/1995 diện tích 21.600m² nằm trong diện tích 4,2 ha trong đó 1/2 đã được cấp cho con gái của ông Nguyễn Hữu Nh và 1/2 lại cấp cho ông Đỗ Đức Đ tự ý kê khai làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất năm 2011. Diện tích đất trên gia đình ông Nh quản lý sử dụng từ năm 1976 đến năm 1995 thực hiện việc giao đất giao rừng theo Quyết định 327 (Hay còn gọi là rừng 327) cho các hộ gia đình đã quản lý sử dụng trước đó để trông coi quản lý phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Trên cơ sở Quyết định 327 của Thủ tướng Chính phủ, UBND xã Lực H đã lập biên bản giao cho ông Nguyễn Hữu Nh tiếp tục quản lý diện tích 4,2 ha đã sử dụng trước đây bằng Biên bản giao đất lập ngày 11/12/1995 của UBND xã Lực H. Chính Biên bản giao đất ngày 11/12/1995 giao cho ông Nguyễn Hữu Nh là một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất là căn cứ để cấp giấy CNQSD đất, trong thời hạn được giao đất ông Nguyễn Hữu Nh vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người được giao đất quy định tại Điều 15 Nghị định số 02/NĐ-CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ, chưa bị xử phạt vi phạm và chưa có quyết định thu hồi một phần hoặc toàn bộ thửa đất, đủ các điều kiện để được cấp giấy CNQSD đất. Về việc cấp giấy CNQSD đất cho ông Đỗ Đức Đ là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Nh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Đức Đ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa trình bày quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Luật tổ tụng hành chính.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 9, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 60 đến Điều 64, Điều 78, Điều 83, Điều 93, Điều 128, Điều 129, Điều 115 đến Điều 119, Điều 153, Điều 225, Điều 243, Điều 253 Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông Nh được UBND xã Lực H giao 4,2 ha đất rừng ngày 11/12/1995. Sau khi nhận đất, ông Nh không thực hiện phát tuyến ranh giới, không trồng cây, không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo nội dung biên bản giao đất.

Năm 2005, ông Đ thấy người dân trồng cây nên ông làm đơn xin cấp có thẩm quyền để ông được trồng cây bằng vốn tự có để phủ xanh đất trống đồi trọc. UBND xã Lực H đã kiểm tra, xác minh không có người sử dụng nên đã giao đất cho ông Đ. Năm 2007, đất này được xác định là đất rừng sản xuất. Ông Đ trồng cây Keo từ năm 2014 ổn định, không tranh chấp.

Ngày 28/10/2007, ông Đ, bà Nh1 có đơn xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Xóm B đã họp xác định nguồn gốc đất, ông Nh có mặt không có ý kiến gì.

Ngày 05/8/2011, UBND huyện Yên S đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 747242 cho ông Đ, bà Nh1 là đúng qui định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của ông Nguyễn Hữu Nh là có căn cứ và đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Nh giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự và những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 18/01/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã nhận được đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Nh về việc yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 747242 đã cấp cho ông Đỗ Đức Đ bà Lê Thị Nh1, địa chỉ: Xóm Minh Kh, xã Lực H, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang là trong thời hiệu khởi kiện, đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hình thức, thể thức, của văn bản (Giấy CNQSD đất số BH 747242 ngày 05/8/2011):

Hội đồng xét xử thấy rằng hình thức, thể thức của GCNQSD đất số BH 747242 là phù hợp với quy định tại Điều 48 Luật Đất đai năm 2003; Thông tư số 24/2004/QĐ-BTNMT ngày 01/11/2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2]. Xét tính hợp pháp, tính có căn cứ và nội dung của Giấy CNQSD đất số BH 747242 ngày 05/8/2011:

HĐXX thấy rằng ông Nguyễn Hữu Nh được UBND xã Lục H giao đất tự nhiên để bảo vệ, chăm sóc, “khoanh nuôi” với diện tích đất là 4,2ha việc giao đất được thực hiện thông qua “Biên bản giao đất” ngày 11/12/1995 của Ủy ban nhân dân xã Lục H, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi được giao đất ông Nh không thực hiện việc phát tuyến ranh giới, trồng cây đặc trưng hoặc các hình thức khác để làm rõ tuyến ranh giới đã được mô tả với các hộ giáp ranh và làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại UBND xã như trong biên bản giao đất yêu cầu. Ngoài biên bản giao đất ngày 11/12/1995 ông Nh không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh quyền sử dụng đất của mình.

Về giá trị pháp lý của biên bản giao đất ngày 11/12/1995, HĐXX thấy rằng đây không phải giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không phải một trong các loại giấy tờ như quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Biên bản này bản chất là biên bản giao đất rừng tự nhiên cho người dân để thực hiện nghĩa vụ bảo vệ rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc (trong đó có xác định rõ nghĩa vụ của người được giao). Nếu như ông Nguyễn Hữu Nh thực hiện tốt các nghĩa vụ đã được xác định thì biên bản này có thể là cơ sở ban đầu để xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau này. Tuy nhiên, ông Nh đã không thực hiện nghĩa vụ của người được giao đất, để những người dân của xã Chiêu Yên sang lấn chiếm trồng cây ngắn ngày, điều này đã không đảm bảo được ý nghĩa, mục đích của việc giao đất tại thời điểm đó là bảo vệ rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.

Tại thời điểm thực hiện việc giao đất này Luật Đất đai năm 1993 đang có hiệu lực thi hành, trong đó xác định thẩm quyền giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc về UBND cấp huyện, do đó Biên bản giao đất của UBND xã Lục H cho ông Nguyễn Hữu Nh chưa phải quy trình cấp GCNQSD đất, biên bản này không có giá trị pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Nh.

Về mặt thực tế trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại thôn B và thôn Minh Kh, đại diện các thôn đều cho biết, từ năm 1995 đến nay ông Nh không thực hiện việc chăm sóc, bảo vệ rừng và trồng rừng, các hộ giáp ranh chưa bao giờ thấy ông Nh sử dụng đất. Điều này mâu thuẫn với lời khai của ông Nh rằng ông vẫn sử dụng liên tục từ năm 1995 đến nay dưới hình thức “khoanh nuôi, bảo vệ”.

Chính vì việc ông Nguyễn Hữu Nh không trực tiếp quản lý, sử dụng đất nên năm 2005 ông Đ thấy thửa đất thuộc xã Lục H nhưng không thấy người dân xã Lục H sử dụng mà người dân xã Chiêu Y, huyện Yên S trồng cây nên ông Đ đã đến UBND xã Lục H xin được trồng cây lâm nghiệp bằng vốn tự có để phát triển kinh tế và phủ xanh đất trống đồi trọc. Thấy nguyện vọng của ông Đ là chính đáng nên UBND xã đã tiến hành kiểm tra, xác minh thực địa thấy đất không có người sử dụng nên đã giao cho ông Đ trồng keo. Ông Đ trồng keo đến năm 2014 được khai thác (chu kỳ thứ nhất) và tiếp tục trồng keo đến nay (chu kỳ thứ 2), trong quá trình sử dụng ông Đ sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai. Năm

2007, thực hiện Quyết định 310 của UBND tỉnh về phân ba loại rừng, thửa đất này không còn là rừng tự nhiên mà được xác định là rừng sản xuất nên UBND huyện Yên S đã tiến hành cấp Giấy CNQSD đất cho các hộ dân đang trực tiếp canh tác. Ông Đỗ Đức Đ đã kê khai xin cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất này (thửa số 1075, tờ bản đồ số 2, diện tích 21.600m²) và đã được UBND huyện Yên S cấp Giấy CNQSD đất khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định. Ông Nh cho rằng thửa số 1075 là của gia đình ông vì nằm trong tổng diện tích 4.2ha mà ông được UBND xã giao năm 1995, nhưng khi ông Đ sử dụng (trồng keo) thì ông Nh lại không có ý kiến gì, ông Nh không trực tiếp sử dụng đất và cũng không kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chính sách của pháp luật đất đai nói chung và đất nông nghiệp, lâm nghiệp nói riêng là ưu tiên người trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp. Năm 2011 ông Đ là người đang trực tiếp sản xuất lâm nghiệp (trồng cây) trên mảnh đất này (trông từ năm 2006), địa bàn nơi thực hiện việc sản xuất lâm nghiệp thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và được sự đồng ý (xác nhận) của UBND xã Lực H, huyện Yên S. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện Yên S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 50 Luật đất đai năm 2003, phù hợp với chính sách quản lý chung về quản lý đất đai của Nhà nước ta thời điểm đó.

Như vậy, việc UBND huyện Yên S cấp CNQSD đất cho ông Đỗ Đức Đ là đúng quy định tại Điều 9; Khoản 3 Điều 49; Khoản 3 Điều 50; Điều 123 của Luật đất đai năm 2003.

[2.3]. Xét về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp Giấy CNQSD đất số BH 747242 ngày 05/8/2011:

Về thẩm quyền, căn cứ Điều 52 Luật Đất đai năm 2003, Ủy ban nhân dân huyện Yên S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Đức Đ và bà Lê Thị Nh1, địa chỉ tại xóm Minh Kh, xã Lực H, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Về trình tự, thủ tục cấp Giấy CNQSD đất số BH 747242 ngày 05/8/2011:

HĐXX thấy rằng: Ngày 28/10/2007, ông Đỗ Đức Đ và bà Lê Thị Nh1 có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đề nghị xin cấp GCNQSD đất đối với 03 thửa đất trong đó có thửa đất số 1075, tờ bản đồ số 02, diện tích 21.600m². Sau khi xác nhận ranh giới, mốc giới trên thực địa, được các hộ giáp ranh đã ký, UBND xã đã xác nhận vào đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đề nghị xin cấp GCNQSD đất của ông Đ. Ngày 04/6/2009 UBND xã đã giao cho thôn (xóm) tổ chức họp để thống nhất nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, vào thời điểm đó ông Nh cũng thực hiện việc kê khai và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không kê khai thửa 1075 và cũng không có ý kiến gì về việc trong danh sách công khai thửa đất 1075 được niêm yết sẽ cấp GCNQSD đất cho ông Đỗ Đức Đ. Ngày 11/6/2009, UBND xã Lực H đã lập biên bản kết thúc công khai các trường hợp có đơn xin cấp Giấy CNQSD đất (thời gian công khai từ ngày 20/5/2009 đến hết ngày 06/6/2009). Do không có ai có ý kiến gì nên UBND xã lập Tờ trình và chuyển các hồ sơ của các hộ dân đủ điều kiện đến UBND huyện Yên S. Sau khi Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Yên S thẩm định hồ sơ do UBND xã đưa

lên, thấy các hộ dân trong xã Lực H trong đó có hộ ông Đỗ Đức Đ đủ điều kiện để cấp Giấy CNQSD đất trên thửa đất số 1075, tờ bản đồ số 2, diện tích 21.600m² nên đã có Tờ trình số 17/TTr-TNMT ngày 05/8/2011 trình UBND huyện Yên S cấp Giấy CNQSD đất cho các hộ dân trong xã Lực H trong đó có hộ ông Đ và bà Nh1.

Như vậy, về trình tự, thủ tục khi UBND huyện Yên S cấp CNQSD đất cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã Lực H, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang trong đó có hộ ông Đỗ Đức Đ và bà Lê Thị Nh1 đã đúng quy định tại Điều 123 Luật Đất đai năm 2003; Điều 135, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai.

[3]. Về thời hạn cấp Giấy CNQSD đất số BH 747242 ngày 05/8/2011:

UBND huyện Yên S đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 747242 ngày 05/8/2011 cho ông Đỗ Đức Đ và bà Lê Thị Nh1, thửa đất số 1075, tờ bản đồ số 2, diện tích 21.600m² đảm bảo thời hạn quy định về cấp CNQSD đất cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy UBND huyện Yên S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 747242 ngày 05/8/2011 cho ông Đỗ Đức Đ và bà Lê Thị Nh1, thửa đất số 1075, tờ bản đồ số 2, diện tích 21.600m² là có căn cứ, đúng đối tượng (người trực tiếp sử dụng đất), đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục... Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Nh và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nh, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Việc giấy CNQSD đất thể hiện tên địa chỉ của thửa đất ở xóm Minh Kh, xã Lực H, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang. HĐXX xét thấy qua xác minh tại chính quyền địa phương thì thửa đất số 1075 có địa chỉ tại xóm B (giáp ranh với xóm Minh Kh), xã Lực H, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang. Trong quá trình cấp giấy CNQSD đất cho ông Đỗ Đức Đ đã ghi địa chỉ của thửa đất theo địa chỉ của ông Đ là xóm Minh Kh, nội dung này không ảnh hưởng trực tiếp đến quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Đ, nhưng để đảm bảo cho việc sử dụng đất ổn định, lâu dài cần kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang đính chính, sửa đổi chính xác địa chỉ thửa đất của ông Đỗ Đức Đ cho phù hợp với thực tế.

[4]. Về án phí: Áp dụng Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Hữu Nh là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí hành chính.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Nh, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu Nh được miễn nộp tiền án phí hành chính.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Anh Tài